

Bản Thông Tin An Toàn

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Mã phân loại sản phẩm theo GHS	UV ink LUS-210 Black
Mô Tả Sản Phẩm	LUS21-K-BA
Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng	Mức máy in phun
Tên nhà sản xuất	MIMAKI ENGINEERING CO., LTD.
địa chỉ nhà sản xuất	2182-3 Shigeno-otsu, Tomi-shi, Nagano 389-0512 JAPAN
số điện thoại	+81-268-64-2413
Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp	+84 28 4458 2388 (chỉ trong phạm vi Việt Nam) +65 3158 1074

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS

CÁC NGUY HIỂM HÓA HỌC VÀ VẬT L
CÁC NGUY CƠ VỀ SỨC KHỎE

Chất lỏng dễ cháy Không phân loại
Ăn mòn / kích ứng da Cấp 2
Tổn thương nghiêm trọng / kích ứng mắt Cấp 2A
Tác nhân nhạy da Cấp 1
Tác nhân gây ung thư Cấp 2
Độc tính sinh sản Cấp 2
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại Cấp 1 (Các cơ quan hô hấp)
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh Cấp 1
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh Cấp 2

Nguy hại ảnh hưởng đến môi trường

Các yếu tố nhãn theo GHS

BIỂU TƯỢNG HOẶC KÝ HIỆU



TỪ BÁO HIỆU

Cảnh báo nguy cơ

Nguy hiểm
H315 Gây kích ứng da
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
H317 Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da
H351 Nghi ngờ gây ung thư (tình trạng cách tiếp xúc nếu chứng minh rõ ràng rằng không có cách tiếp xúc nào khác gây ra nguy hiểm)
H361 Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ sơ sinh
H372 Gây tổn hại đến các cơ quan qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại (Các cơ quan hô hấp)
H400 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh
H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài

CÁC TUYÊN BỐ VỀ PHÒNG NGỪA



Định Danh Sản Phẩm: UV ink LUS-210 Black

An Toàn: 037-U225069

Ngày thiết lập: 2019/12/06

Ngày sửa đổi: 2026/08/28

Bản Thông Tin An Toàn

NGĂN NGỪA

Cần có những chỉ dẫn đặc biệt trước khi sử dụng(P201)
Đọc và hiểu các phòng ngừa về an toàn trước khi sử dụng(P202)
Không được hít thở sương mù/hơi/hơi phun(P260)
Rửa hoàn toàn sau khi sử dụng(P264)
Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này(P270)
Quần áo làm việc bị nhiễm bẩn không nên để ngoài nơi làm việc(P272)

ĐÁP ỨNG

Tránh phát tán ra môi trường(P273)
Đeo găng tay bảo hộ và mang bảo vệ mắt/mặt(P280)
Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân như yêu cầu(P281)
NẾU TRÊN DA: rửa bằng nhiều nước và xà phòng(P302+P352)
NẾU TRONG MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu đang đeo và nếu dễ thực hiện. Tiếp tục rửa(P305+P351+P338)
Nếu sự kích thích da xuất hiện: Cần tư vấn/chăm sóc y tế(P308+P313)
Cần tư vấn/chăm sóc y tế nếu bạn thấy không khỏe(P314)
Xử lý riêng biệt.(P321)
Nếu sự kích thích da hoặc phát ban xuất hiện: Cần tư vấn/chăm sóc y tế(P333+P313)
Nếu sự kích thích mắt tiếp diễn: Cần tư vấn/chăm sóc y tế(P337+P313)
Thay quần áo bị nhiễm bẩn và giặt trước khi tái sử dụng(P362)
Thu gom các chất bị tràn ra(P391)
Bảo quản nơi có khóa(P405)
Thải bỏ các thành phần/thùng chứa ở bãi chôn lấp đã được phê duyệt(P501)

BẢO QUẢN THẢI BỎ

3. Thông tin về thành phần các chất

CHẤT HOẶC HỖN HỢP	HỖN HỢP		
Tên hóa chất	Hàm lượng	Công thức hóa học	Số CAS
Acrylate Resin	5-15%	Không biết	Bí mật
Hexane-1,6-diyl diacrylate	70-80%	Không biết	13048-33-4
2-Propen-1-one, 1-(4-morpholinyl)-	0.1-1%	Không biết	5117-12-4
Diphenyl(2,4,6-trimethylbenzoyl)phosphine oxide	5-10%	Không biết	75980-60-8
Carbon black	5-10%	Không biết	1333-86-4

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

TRONG TRƯỜNG HỢP HÍT PHẢI

Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sỹ/thầy thuốc nếu bạn cảm thấy không khỏe.

Bản Thông Tin An Toàn

TRONG TRƯỜNG HỢP TIẾP XÚC VỚI DA	Nếu bị phơi nhiễm hoặc có triệu chứng phơi nhiễm, cần nhận ngay sự trợ giúp và lời khuyên của y tế. NẾU DÍNH VÀO DA, Rửa nhẹ nhàng bằng nhiều xà phòng và nước. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi mặc lại. Nếu bị ngứa ngáy hoặc phát ban trên da: Đề nghị có sự trợ giúp y tế và các hỗ trợ khác. Nếu bị phơi nhiễm hoặc có triệu chứng phơi nhiễm, cần nhận ngay sự trợ giúp và lời khuyên của y tế. Xử lý riêng biệt.
TRONG TRƯỜNG HỢP TIẾP XÚC VỚI	NẾU VÀO MẮT, Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu đang đeo và có thể làm dễ dàng. Tiếp tục rửa. Nếu bị phơi nhiễm hoặc có triệu chứng phơi nhiễm, cần nhận ngay sự trợ giúp và lời khuyên của y tế.
TRONG TRƯỜNG HỢP ĂN PHẢI	Xúc miệng. NẾU NUỐT PHẢI, Gọi ngay TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ/thầy thuốc nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng. KHÔNG cố nôn ra. Nếu bị phơi nhiễm hoặc có triệu chứng phơi nhiễm, cần nhận ngay sự trợ giúp và lời khuyên của y tế.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY	Hóa chất khô chuyên dụng, CO2, sương, bọt bền rượu hoặc cát
PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY KHÔNG PHÙ HỢP	Tia sáng thẳng.
NHỮNG NGUY HIỂM CỤ THỂ	Nguy cơ sinh ra các khí có hại như carbon monoxide và các. Tránh hít phải khói hoặc các khí đó.
NHỮNG PHƯƠNG PHÁP CỤ THỂ	Hãy dập lửa từ vị trí ngược hướng gió nếu có thể. Trong khu vực cháy, vận chuyển ngay lập tức contenô tới khu vực an toàn, nếu các contenô có thể vận chuyển được. Nghiêm cấm nhân viên không được phép tiếp cận khu vực xung quanh đám cháy. Yêu cầu nhân viên không phận sự miễn tiếp cận.
BẢO VỆ LÍNH CỨU HỎA	Sử dụng kính bảo hộ kết hợp với mặt nạ chống bụi, và các phương tiện bảo vệ khác tùy theo tình huống.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	Sử dụng kính bảo hộ kết hợp với mặt nạ chống bụi và các biện pháp bảo vệ khác phù hợp với từng tình huống. Lượng vật liệu tràn lớn: Sơ tán khu vực. Đảm bảo thông khí đầy đủ.
Các cảnh báo về môi trường	Thu gom lượng bị đổ tràn. Không thải trực tiếp vào cống rãnh, nước trên mặt hoặc nước

Bản Thông Tin An Toàn

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

ngâm.
lượng vật liệu tràn nhỏ: hút bằng vật liệu như vật liệu không gây cháy, rửa kỹ sau khi xử lý.
Lượng vật liệu tràn lớn: Cách ly phần vật liệu tràn và thải vào khu vực an toàn.

7. Yêu cầu về cất giữ

VIỆC SỬ DỤNG

CÁC BIỆN PHÁP KỸ THUẬT

Sử dụng hệ thống thoát khí thải cục bộ trong trường hợp có khói hay hơi sương.

Các cơ sở lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này nên trang bị thiết bị rửa mắt và vòi sen an toàn.

LỜI KHUYẾN VỀ SỬ DỤNG AN TOÀN

Rửa sạch tay sau khi sử dụng.

Mang bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

Quần áo làm việc bị nhiễm bẩn không được phép mang ra khỏi nơi làm việc.

Không hít bụi/khói/khí/sương muối/hơi/bụi nước.

BẢO QUẢN

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN PHÙ HỢP

Bảo quản ở nơi có khóa.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

	ACGIH (TLV)	OSHA (PEL)	Vệ sinh Tiêu chuẩn Lao động
Carbon black	TWA 3 mg/m ³ (I), STEL –	3.5 mg/m ³ TWA	3.5 mg/m ³ TWA; 7 mg/m ³ STEL

CÁC BIỆN PHÁP CÔNG NGHỆ

Sử dụng hệ thống thoát khí thải cục bộ trong trường hợp có khói hay hơi sương.

Các cơ sở lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này nên trang bị thiết bị rửa mắt và vòi sen an toàn.

Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ và phòng ngừa sự tĩnh điện.

THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

BẢO VỆ ĐƯỜNG HÔ HẤP

Nếu cần thiết, hãy mang bảo vệ đường hô hấp.

BẢO VỆ TAY

Đeo găng tay bảo hộ.

BẢO VỆ MẮT

Mang bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

BẢO VỆ DA VÀ CƠ THỂ

Mặc quần áo bảo hộ.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Trạng thái vật lý

Chất lỏng

MÀU

Đen

MÙI

Giống mùi Ester

NGUỒN MÙI

Không có dữ liệu

pH

Không có dữ liệu

ĐIỂM NÓNG CHẢY

Không có dữ liệu

Bản Thông Tin An Toàn

ĐIỂM SÔI	Không có dữ liệu
ĐIỂM CHỚP CHÁY	>100°C(cốc kín)
NGUỒN MÙI	Không có dữ liệu
TÍNH DỄ CHÁY (RẮN, KHÍ)	Không có dữ liệu
CÁC GIỚI HẠN NỔ HOẶC CHÁY	Không có dữ liệu
ÁP SUẤT HƠI	Không có dữ liệu
TỶ TRỌNG HƠI	Không có dữ liệu
TRỌNG LƯỢNG RIÊNG (TỶ TRỌNG)	Không có dữ liệu
TÍNH TAN TRONG	Không có dữ liệu
HỆ SỐ PHÂN TÁCH: n-	Không có dữ liệu
OCTANOL/NƯỚC(log Pow)	
NHIỆT ĐỘ TỰ CHÁY	Không có dữ liệu
NHIỆT ĐỘ PHÂN HỦY	Không có dữ liệu

10. Mức ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng phản ứng	Không có thông tin
Tính ổn định	Ổn định trong điều kiện thường.
Phản ứng nguy hiểm	Phản ứng trùng hợp và lưu hóa có thể xảy ra khi tiếp xúc với ánh sáng, đặc biệt là tia cực tím.
Các điều kiện cần tránh	Nguồn nhiệt, lưu trữ gần nguồn lửa, ánh sáng mặt trời trực tiếp, tia cực tím
Vật liệu không tương thích	Chất oxy hóa, oxit sắt, bazơ mạnh
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	Điôxit cacbon, cacbon monoxide

11. Thông tin về độc học

Độc cấp tính (miệng)	Loại 4:5117-12-4 (giá trị biến đổi = 500mg/kg, nguồn: 1272/2008/EC) Không phân loại:1333-86-4 (nguồn: NITE) Không thể thực hiện việc phân loại:75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC), 13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA)) Không có dữ liệu:Bí mật (nguồn: Không đăng ký) Kết quả tính toán = 8500mg/kg. Kết quả phân loại = Không thể thực hiện việc phân loại.
Độc cấp tính (da)	Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu
Độc cấp tính (hô hấp : khí)	Không xếp vào chất khí theo định nghĩa của GHS.
Độc cấp tính (hô hấp : hơi)	Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu
Độc cấp tính (hô hấp : bụi và sương)	Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu
Ăn mòn / kích ứng da	Loại 2:13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA)) Không phân loại:1333-86-4 (nguồn: NITE)

Không thể thực hiện việc phân loại: 75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC), 5117-12-4 (nguồn: 1272/2008/EC)
Không có dữ liệu: Bí mật (nguồn: Không đăng ký)

Tập hợp nhóm chất 2 Giới hạn nồng độ = 10%. Kết quả xếp loại = Nhóm 2.

Tổn thương nghiêm trọng / kích ứng mắt

Loại 1: 5117-12-4 (nguồn: 1272/2008/EC)
Loại 2: 13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Không phân loại: 1333-86-4 (nguồn: NITE)
Không thể thực hiện việc phân loại: 75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC)
Không có dữ liệu: Bí mật (nguồn: Không đăng ký)

Tập hợp các chất nhóm mắt 2 Giới hạn nồng độ = 10%. Kết quả phân loại = Nhóm 2A.

Tác nhân nhạy hô hấp
Tác nhân nhạy da

Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu
Loại 1: 5117-12-4 (nguồn: 1272/2008/EC), 13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Không thể thực hiện việc phân loại: 1333-86-4 (nguồn: NITE), 75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC)
Không có dữ liệu: Bí mật (nguồn: Không đăng ký)

13048-33-4 $\geq$ 1%, Kết quả phân loại = Loại 1.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)
Tác nhân gây ung thư

Các chất thành phần không tham gia vào việc phân loại:
5117-12-4 (Nhóm = Loại 1, nguồn: 1272/2008/EC)
Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu
Loại 2: 1333-86-4 (nguồn: NITE)
Không thể thực hiện việc phân loại: 75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC), 5117-12-4 (nguồn: 1272/2008/EC), 13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Không có dữ liệu: Bí mật (nguồn: Không đăng ký)

Độc tính sinh sản

1333-86-4 $\geq$ 0.1%, Kết quả phân loại = Loại 2.
Loại 2: 75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC)
Không thể thực hiện việc phân loại: 1333-86-4 (nguồn: NITE), 5117-12-4 (nguồn: 1272/2008/EC), 13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Không có dữ liệu: Bí mật (nguồn: Không đăng ký)

Độc tính sinh sản-Ảnh hưởng đến hoặc qua

75980-60-8 $\geq$ 0.1%, Kết quả phân loại = Loại 2.
Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu

Bản Thông Tin An Toàn

sữa mẹ

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại

Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu

Loại 1:1333-86-4 (cơ quan = Các cơ quan hô hấp, nguồn: NITE)

Loại 2:5117-12-4 (cơ quan = ---, nguồn: 1272/2008/EC)

Không thể thực hiện việc phân loại:75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC), 13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))

Không có dữ liệu:Bí mật (nguồn: Không đăng ký)

1333-86-4 $\geq$ 1%, Kết quả phân loại = Loại 1(Các cơ quan hô hấp).

Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu

Nguy hại hô hấp

12. Thông tin về sinh thái

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh

Loại 1:13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))

Không phân loại:1333-86-4 (nguồn: NITE)

Không thể thực hiện việc phân loại:75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC), 5117-12-4 (nguồn: 1272/2008/EC)

Không có dữ liệu:Bí mật (nguồn: Không đăng ký)

Nhóm 1 x Hệ số M $\geq$ giới hạn nồng độ(25%). Kết quả phân loại = Nhóm 1.

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh

Loại 2:13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))

Không thể thực hiện việc phân loại:1333-86-4 (nguồn: NITE), 75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC), 5117-12-4 (nguồn: 1272/2008/EC)

Không có dữ liệu:Bí mật (nguồn: Không đăng ký)

(Hệ số M x 10 x Nhóm 1) + Nhóm 2 $\geq$ Giới hạn nồng độ(25%). Kết quả phân loại = Nhóm 2.

13. Thông tin trong việc thải bỏ

Chất thải của phần dư/sản phẩm chưa sử dụng

Trước khi xử lý cần làm cho chất thải không hại, ổn định, trung tính và hạn chế tối đa nguy hiểm và độc hại của rác.

Được chuyển cho nhà thầu về chất thải đã được cấp phép.

Bao bì đã bị nhiễm

Sử dụng lại conteno sau khi làm sạch hoặc xử lý các chất thải tuân thủ luật và các quy định của chính quyền địa phương.

Trong trường hợp phải sắp xếp, vận chuyển conteno rỗng, hãy di chuyển nhẹ nhàng.

14. Thông tin khi vận chuyển

CÁC QUY ĐỊNH QUỐC TẾ

Bản Thông Tin An Toàn

Thông tin về IMDG

Số UN	3082
Tên vận chuyển đường biển	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.
Loại, nhóm hàng nguy hiểm	9
Quy cách đóng gói	III
Điều khoản đặc biệt	2.10.2.7 *1

Thông tin về IATA

Số UN	3082
Tên vận chuyển đường biển	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.
Loại, nhóm hàng nguy hiểm	9
Quy cách đóng gói	III
Điều khoản đặc biệt	A197 *1

*1 KIỆN HÀNG ĐƠN HOẶC ĐÓNG GÓI CÓ KHỐI LƯỢNG TÍNH NHỎ HƠN 5 L (đối với chất lỏng) hoặc 5 kg (đối với chất rắn) ĐỀU KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG CỦA QUY ĐỊNH VỀ HÀNG HÓA NGUY HIỂM – Tham khảo UN Special Provision (Điều khoản đặc biệt của LHQ).

15. Thông tin về pháp luật

Sản phẩm này được đánh giá và quản lý theo các quy định hiện hành của Việt Nam, bao gồm:

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

Nghị định số 26/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, bao gồm phân loại hóa chất, ghi nhãn hóa chất và Phiếu An toàn hóa chất (SDS).

Theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP, sản phẩm đã được rà soát đối với các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

Kết quả rà soát:

- Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện: Không có thành phần nào thuộc danh mục.
- Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt: Không có thành phần nào thuộc danh mục.
- Danh mục hóa chất phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: Không có thành phần nào thuộc danh mục.
- Danh mục hóa chất cấm: Không có thành phần nào thuộc danh mục.

Hexane-1,6-diyl diacrylate (13048-33-4)

TSCA – United States	ENCS – Japan	KECI Annex 1, 2 – Korea	IECSC – China	DSL/NDL – Canada	PICCS – Philippines	AICS – Australia	EINECS/ELINCS – European Union	TCSI – Taiwan	NZIoC – New Zealand
CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ

2-Propen-1-one, 1-(4-morpholinyl)- (5117-12-4)

TSCA – United States	ENCS – Japan	KECI Annex 1, 2 – Korea	IECSC – China	DSL/NDL – Canada	PICCS – Philippines	AICS – Australia	EINECS/ELINCS – European Union	TCSI – Taiwan	NZIoC – New Zealand
CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ

Diphenyl(2,4,6-trimethylbenzoyl)phosphine oxide (75980-60-8)



Định Danh Sản Phẩm: UV ink LUS-210 Black

An Toàn: 037-U225069

Ngày thiết lập: 2019/12/06

Ngày sửa đổi: 2026/08/28

Bản Thông Tin An Toàn

TSCA – United States	ENCS – Japan	KECI Annex 1, 2 – Korea	IECSC – China	DSL/NDL – Canada	PICCS – Philippines	AICS – Australia	EINECS/ELINCS – European Union	TCSI – Taiwan	NZIoC – New Zealand
CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ

Carbon black (1333-86-4)

TSCA – United States	ENCS – Japan	KECI Annex 1, 2 – Korea	IECSC – China	DSL/NDL – Canada	PICCS – Philippines	AICS – Australia	EINECS/ELINCS – European Union	TCSI – Taiwan	NZIoC – New Zealand
CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ

16. Các thông tin cần thiết khác

THAM KHẢO

NITE GHS

EU CLP Regulation, Annex VI

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP

Nghị định số 26/2026/NĐ-CP

Thông tư số 01/2026/TT-BCT

DỮ LIỆU KHÁC

Thông tin cung cấp trong Bản Thông Tin An Toàn này không hàm ý là đầy đủ và chỉ nên xem như là một hướng dẫn.

Tuy thông tin và các đề nghị nêu tại đây được tin là chính xác, công ty không có bất kỳ bảo đảm nào về các thông tin và đề nghị đó và từ chối tất cả mọi trách nhiệm pháp lý nảy sinh từ việc tin cậy vào đó.